

## FROM URUK TO BABYLON: CULTURAL TRANSITION IN THE CITIES OF ANCIENT MESOPOTAMIA

Tran Thi Que Chau<sup>1\*</sup>, Nguyen Huyen Sang<sup>2</sup>  
and Do Ngoc Hoang Kha<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Faculty of History, University of Education,  
Hue University, province Thua Thien Hue, Vietnam

<sup>2</sup>Class 3 of History-Geography, Faculty of  
History, University of Education, Hue University,  
province Thua Thien Hue, Vietnam

\*Corresponding author Tran Thi Que Chau,  
e-mail: tqchau@gmail.com

Received March 11, 2024.

Revised April 13, 2024.

Accepted May 7, 2024.

## TỪ URUK ĐẾN BABYLON: SỰ CHUYỂN TIẾP VĂN HOÁ TRONG CÁC ĐÔ THỊ VÙNG LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI

Trần Thị Quế Châu<sup>1\*</sup>, Nguyễn Huyền Sang<sup>2</sup>  
và Đỗ Ngọc Hoàng Kha<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm,  
Đại học Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

<sup>2</sup>Lớp Lịch sử-Địa lí 3, Khoa Lịch sử, Trường Đại học  
Sư phạm, Đại học Huế,  
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Trần Thị Quế Châu,  
e-mail: tqchau@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/3/2024.

Ngày sửa bài: 13/4/2024.

Ngày nhận đăng: 7/5/2024.

**Abstract.** Along with achievements in state organization and writing, the birth of urban areas is an important sign marking people's entry into the age of civilization. Throughout history, the separation of urban areas from rural areas has not only been economic, but it has also attracted talent and wealth, thus giving cities a distinctly multicultural character. The southern Mesopotamia region was the place that witnessed the emergence of the earliest cities in human history. Although the region went through many political upheavals during the ancient period, it is surprising that the different people of Mesopotamia preserved, passed on, and created a culture in cities, creating the characteristics of Mesopotamian urban culture, both synthetic and unique. This article focuses on examining cultural transition in the cities of Uruk and Babylon in terms of structure, belief, architecture, and law.

**Keywords:** Uruk, Babylon, culture, urban area, Mesopotamia.

**Tóm tắt.** Cùng với những thành tựu về tổ chức nhà nước và chữ viết, sự ra đời của các đô thị là một dấu hiệu quan trọng đánh dấu sự khởi đầu của thời đại văn minh. Xuyên suốt lịch sử, sự tách biệt các đô thị ra khỏi các khu vực nông thôn không chỉ mang tính kinh tế mà nó còn thu hút tài năng, của cải, do đó các đô thị mang đặc trưng đa văn hoá rõ rệt. Khu vực miền Nam Lưỡng Hà là nơi chứng kiến sự xuất hiện của các đô thị sớm nhất trong lịch sử nhân loại. Mặc dù khu vực này trải qua nhiều biến động về chính trị trong suốt thời kỳ cổ đại, tuy nhiên, một điều đáng ngạc nhiên là các tộc người khác nhau ở Lưỡng Hà đã lưu giữ, chuyển tiếp và sáng tạo văn hoá trong các đô thị, tạo nên đặc trưng của nền văn hoá đô thị vùng Lưỡng Hà, vừa mang tính tổng hợp, vừa có sắc thái riêng. Bài viết này tập trung khảo sát sự chuyển tiếp văn hoá trong hai đô thị Uruk và Babylon trên các khía cạnh cấu trúc, tín ngưỡng, kiến trúc và luật pháp.

**Từ khóa:** Uruk, Babylon, văn hoá, đô thị, vùng Lưỡng Hà.

## 1. Mở đầu

Các đô thị đã đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của nhân loại trong hơn 6.000 năm. Từ những đô thị cổ lâu đời nhất được biết đến trên thế giới của người Sumer ở phía Nam vùng Lưỡng Hà, đến Tokyo, đô thị lớn nhất hiện nay với 37 triệu dân, các đô thị là trung tâm chính trị, thương mại, công nghệ, giáo dục và văn hóa. Dự báo đến năm 2050, 2/3 nhân loại

sẽ sống trong các đô thị. Khi làn sóng đô thị hóa vẫn đang tiếp diễn, thì nghiên cứu về đô thị và đô thị hoá đang ngày càng trở nên cần thiết.

Đô thị là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau bao gồm địa lí, lịch sử, kiến trúc, quy hoạch, kinh tế, xã hội học, nhân học,... Ở Việt Nam hiện nay, nghiên cứu về đô thị cổ đại nói chung và Lưỡng Hà nói riêng chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ của lĩnh vực kiến trúc. Hai công trình *Lịch sử đô thị* của Đặng Thái Hoàng (2001) [1] và *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại Phương Tây* của Nguyễn Quốc Thông (2013) [2] đã khái quát về quá trình phát triển của đô thị thế giới trên phương diện cấu trúc, cảnh quan, và các loại hình công trình nổi bật. Riêng về nội dung đô thị cổ đại vùng Tây Á, các tác giả đã dành sự chú ý nghiên cứu về tổ chức không gian đô thị Babylon, thủ đô của vương triều nổi tiếng Hammurabi.

Công trình *Metropolis: Lịch sử phát triển đô thị, phát minh lớn nhất của loài người* của Wilson, Ben (2023, Hoàng Đức Long dịch) [3] nghiên cứu đô thị trong sự tương tác giữa môi trường, kiến trúc với cư dân sinh sống. Cuốn sách mang đến một hành trình xuyên suốt hơn 6.000 năm, khám phá qua 26 thành phố, đô thị. Đề bàn về tinh thần đô thị cổ đại, Uruk là đại diện đầu tiên được Ben Wilson lựa chọn. Thành phố này xuất hiện như tâm điểm của thế giới, là biểu trưng cho chiến thắng của nhân loại trước thiên nhiên với cảnh quan áp chế gồm đền, tháp cao, tường thành kiên cố, kênh đào rộng lớn với nền nông nghiệp phát triển. Babylon nổi loạn và lộn xộn, nhưng chính nhờ mô thức đường phố khổng lồ và diện tích hoành tráng của thành phố mà nó được xem là biểu tượng văn minh của Lưỡng Hà. Trái qua hàng ngàn năm lịch sử, những đô thị cổ đại Lưỡng Hà không chỉ có sự biến đổi về diện tích hay cách thức xây dựng mà ta còn thấy được sự phát triển rõ rệt của văn hoá.

Công trình *Ancient Mesopotamia: Portrait of a Dead Civilization* của Oppenheim, L.A (1977) [4], đã dệt nên bức khảm đa sắc màu của nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại. Trong công trình của mình, tác giả đã xem đô thị và đô thị hoá là thành tựu quan trọng của nền văn minh và khẳng định Lưỡng Hà là nơi diễn ra quá trình hình thành đô thị sớm nhất trên thế giới. Đồng thời, tác giả cố gắng liên hệ các đặc điểm cụ thể của các mô hình đô thị của một nền văn minh nhất định với các quan điểm xã hội, kinh tế và tôn giáo quan trọng của những chủ thể của nó.

Nghiên cứu về các đô thị Lưỡng Hà cổ đại còn có những công trình khai thác từng thành tựu văn hoá cụ thể như *Visible language: Inventions of writing in the ancient middle East and Beyond* của Woods, Christopher (2010) nghiên cứu về phát minh ngôn ngữ ở Trung Đông cổ đại [5]; công trình *Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới* của Nguyễn Minh Tuấn (2016) [6] đã khảo sát khá chi tiết về hai bộ luật Urnamu và Hammurabi của Lưỡng Hà cổ đại.

Công trình *The Urban Mind: Cultural and Environmental Dynamics* của Paul JJ Sinclair, Gullög Nordquist, Frands Herschend và Christian Isendahl (2010) [7] tập trung vào việc giải mã những yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển đô thị cổ đại Lưỡng Hà. Cuộc khảo sát ngắn này đã chỉ ra một số khía cạnh của sự tương tác môi trường xã hội làm nền tảng cho đô thị ở khu vực Cận Đông cổ đại, nơi có lịch sử phát triển đô thị lâu nhất trên thế giới.

Bài viết *The Uruk Expansion: Cross-cultural Exchange in Early Mesopotamian Civilization* của các tác giả Algaze, G, Burchard Brenties, A. Bernard Knapp, Philip L. Kohl, Wade R. Kotter, C. C. Lamberg-Karlovsky, Glenn M. Schwartz, Harvey Weiss, Robert J. Wenke, Rita P. Wright and Allen Zagarell (1989) [8] đặt ra giả thuyết về trao đổi xuyên văn hoá trong quá trình mở rộng của đô thị Uruk thông qua nghiên cứu các hiện vật khảo cổ và dấu vết văn hoá trên khắp vùng Lưỡng Hà trong lát cắt đồng đại.

Những công trình của các tác giả trong và ngoài nước chủ yếu tập trung nghiên cứu những thành tựu của văn minh Lưỡng Hà cổ đại. Trong bức tranh chung đó, những dữ liệu về quá trình hình thành của các đô thị của vùng Cận đông cổ đại, trong đó có Uruk và Babylon đã bước đầu làm rõ. Tuy nhiên, các đô thị của Lưỡng Hà cổ đại được tiếp cận như những đối tượng nghiên cứu riêng biệt, chưa có sự so sánh và kết nối trên bức tranh lịch sử chung của cả khu vực. Chúng tôi cho rằng đặc điểm nổi bật của Lưỡng Hà cổ đại là nơi hội tụ của nhiều tộc người với sự đa

dạng về văn hoá. Mặc dù các quốc gia và thành phố dường như tồn tại theo chu kỳ của tập trung quyền lực, mở rộng và suy vong, nhưng giữa các nền văn hoá vẫn có sự chuyển tiếp để tạo nên đặc trưng chung của vùng Lưỡng Hà, vừa mang tính tổng hợp, vừa có sắc thái riêng. Trên ý tưởng đó, bài viết này tập trung khảo sát sự chuyển tiếp văn hoá trong hai đô thị Uruk và Babylon trên các khía cạnh cấu trúc, tín ngưỡng, kiến trúc và luật pháp.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Uruk: Đô thị/thành phố sớm nhất thế giới của người Sumer

Trước cuộc khai quật đầu tiên ở Lưỡng Hà (Iraq và một phần lãnh thổ của Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran ngày nay) vào khoảng năm 1840, trong gần 2.000 năm kiến thức về khu vực này thời cổ đại chỉ được biết đến từ ba nguồn: Kinh thánh, các tác giả Hy Lạp và La Mã, và những đoạn trích từ tác phẩm của Berossus, người Babylon, viết bằng tiếng Hy Lạp. Từ giữa thế kỷ XIX trở đi, việc nghiên cứu về vùng Cận Đông cổ đại đã dựa trên một nguồn tư liệu rất tốt với sự kết hợp của số lượng lớn các văn bản chữ hình nêm đương thời và số lượng lớn các phát hiện khảo cổ học.

Thời kỳ kết thúc Kì Băng Hà cuối cùng, khoảng 11.700 năm cách ngày nay, đã thay đổi một cách sâu sắc cuộc sống của con người trên trái đất [3; 30]. Các xã hội săn bắt và hái lượm bắt đầu nhường chỗ cho trồng trọt và chăn nuôi. Chính tại vùng Lưỡi liềm Màu mỡ - một vùng đất hình bán nguyệt trải từ sông Nile ở phía Tây tới vịnh Ba Tư ở phía Đông đã cung cấp môi trường thích hợp nhất cho sự phát sinh của nền nông nghiệp sớm. Trong tiến trình lịch sử nhân loại, đây là nơi ra đời của những cây tổ tiên chiếm phần lớn trong hoạt động nông nghiệp hiện đại như lúa mì nguyên thủy, lúa mì einkorn, lúa mạch, đậu lăng, và những con thú lớn phù hợp cho việc thuần dưỡng: bò, dê, cừu và lợn.

Khoảng 10.000 năm TCN, những ngôi làng nông nghiệp sớm nhất thời kỳ đồ đá mới cũng đã hình thành. Những ví dụ nổi bật về những nơi định cư sớm như vậy bao gồm Jericho (diện tích 2,5 ha, khoảng 9000 năm TCN) và Çatalhöyük (diện tích 13 ha, khoảng 7000 năm TCN) [7; 115]. Mặc dù là một cộng đồng siêu lớn (từ 5000-7000 người) xét trong bối cảnh thời tiền sử nhưng cả Jericho lẫn Çatalhöyük đều không có bước nhảy vọt để trở thành các thành phố. Chúng vẫn chỉ là những ngôi làng lớn hơn bình thường, thiếu nhiều nét đặc thù.

Liệu có mối quan hệ giữa cách mạng đá mới và quá trình đô thị hoá ở Lưỡng Hà cổ đại? Tiếp cận dưới góc độ của lí thuyết “sinh thái văn hoá” (cultural ecology), coi văn hoá chính là sản phẩm của sự thích nghi và lựa chọn của con người từ các khả năng mà môi trường cung cấp thì những thành phố đầu tiên ở Lưỡng Hà ra đời từ chiến thắng của con người trước khó khăn. Các thành phố đầu tiên xuất hiện ở miền Nam Lưỡng Hà, trên rìa của vùng Lưỡi liềm Màu mỡ. Bằng cách khai thác nước của các con sông Euphrates và Tigris, người ta có thể khai mở tiềm năng của vùng đất này. Mọi người hợp tác với nhau trong những dự án tưới tiêu để đưa nước về từ những con sông ấy nhằm tạo ra những cánh đồng. Để có sản lượng tối đa trong khi lượng mưa ít đòi hỏi phải có thủy lợi. Do vậy, lượng dân cư sẽ tăng cùng với tỉ lệ các công trình thủy lợi cho đến khi đạt được lượng nước giới hạn. Nhu cầu tổ chức và kiểm soát cảnh quan, thủy lợi và quản lý sau đó có thể là động lực quan trọng đằng sau việc hình thành các thị trấn và thành phố. Bất kì sự lơ là hoặc quản lý yếu kém nào cũng có thể dẫn đến các vấn đề không mong muốn. Một sự kiểm soát chính trị tốt là điều cần thiết để giữ cho xã hội được trật tự. Vì các nhà nước ban đầu này có tính chất tôn giáo mạnh mẽ, các cá nhân với sức mạnh siêu nhiên như người đứng đầu dòng họ, các thầy shaman, các thầy tu đặc biệt hình thành một tầng lớp thần quyền cai trị các cộng đồng nông dân và sau này là các nhà nước đa nhóm. Trung tâm của chúng là ngôi đền và một tầng lớp thuộc giới tư tế và một bộ máy quan liêu quản lí một khối cư dân tập trung đông đúc [3; 33].

Một số thành phố quan trọng ở miền nam Lưỡng Hà có thể được liệt kê từ khoảng năm 3000 TCN đến năm 760 SCN gồm có: Uruk (550 ha), Ur (70 ha), Larsa (350 ha), Lagash (440 ha), Girsu (350 ha), Isin (120 ha), Nippur (220 ha), Babylon (800 ha), cũng như Seleucia, Ktesiphon

và Baghdad [7; 131].

Khu vực canh tác thời xưa cũng như thời hiện đại ở vùng Lưỡng Hà chủ yếu nằm dọc theo các nhánh sông hoặc kênh rạch cạnh các khu định cư. Nơi gần mặt nước nhất là những khu vườn trồng cây chà là, rau và cây ăn quả. Ở một khoảng cách xa hơn, là những cánh đồng lúa mạch, và xa hơn nữa là những vùng đồng cỏ và đất hoang. Đây là hình ảnh phổ biến có thể tìm thấy cả trong các văn bản chữ hình nêm cổ cũng như trong các cảnh quan tiền hiện đại và thậm chí cả hiện đại [7; 130].

Eridu là thành phố đầu tiên trong thần thoại của người Sumer. Uruk là thành phố để lại nhiều dấu tích trên thực tế (Uruk được biết đến với cái tên Erech trong Kinh thánh và nằm gần thành phố Warka, Iraq ngày nay). Trong thời kỳ đầu, Uruk là thành phố lớn nhất ở phía nam miền nam Lưỡng Hà. Một bức tường thành có niên đại vào đầu thời kỳ Sơ triều đại (khoảng 2900–2300 TCN) bao quanh thành phố. Sử thi Gilgamesh kể rằng Vua Gilgamesh (khoảng năm 2700 TCN) đã xây dựng bức tường. Trong thành phố có tường bao quanh có những quần thể đền thờ lớn [7; 132].

Trong cách nhìn của người Sumer về thế giới, thành phố là một trung tâm. Mỗi thành phố có một vị thần tối cao, được kết nối với các vị thần của các thành phố khác bằng mối quan hệ họ hàng. Các bài thánh ca của người Sumer ca ngợi phẩm chất của cả các thành phố và các vị thần của họ.

Ở Uruk và có lẽ ở các thành phố khác có quy mô tương đương, người Sumer sống một cuộc sống thành thị với các thành phần quan trọng, bao gồm đền thờ và khu dân cư, nông nghiệp, chăn nuôi, đánh cá và trồng lúa, cùng với các ngành thủ công nghiệp như điêu khắc, đúc khuôn, luyện kim, mộc, đóng tàu, gôm và dệt may. Một phần dân số có thể dựa vào các điểm phân phối trung tâm để cung cấp thực phẩm cơ bản, giúp họ giảm bớt nhu cầu phải tự cung cấp thực phẩm và tập trung vào công việc hàng ngày của họ [9].



**Hình 1. Cấu trúc tổng thể của thành phố Uruk**

(Nguồn: [https://www.researchgate.net/figure/The-ancient-city-of-Uruk-C-DAI-Orient-Abteilung\\_fig2\\_333448733](https://www.researchgate.net/figure/The-ancient-city-of-Uruk-C-DAI-Orient-Abteilung_fig2_333448733))

Khoảng năm 3000 TCN, ở Sumer không chỉ tồn tại những thành phố mà có cả những đền thờ rộng lớn và cấu trúc xã hội phức tạp được lãnh đạo bởi các thầy tu. Mối liên kết xã hội được tạo ra không chỉ bởi việc trị thủy như ở Ai Cập mà còn bởi trung tâm là những ngôi đền. Ngôi đền điều khiển, thống trị cả cộng đồng, và các vùng quê. Quanh đền thờ một thành phố được xây dựng lên. Người Sumer tin rằng thành phố đầu tiên ra đời từ đầm lầy nguyên thủy. Eridu là thành phố đầu tiên trong truyền thuyết của người Sumer, nơi khởi nguồn của sự sống. Ở đó, một đền thờ nhỏ được xây dựng để thờ thần Enki- thần nước. Trong nhiều thế hệ, ngôi đền nguyên thủy này được xây dựng lại và cuối cùng ngôi đền ấy đã vươn cao trên toàn bộ cảnh quan khu vực.

Việc xây dựng đền thờ là một nhiệm vụ tập thể, hàng trăm người tham gia, vì vậy cần phải được điều phối và được chỉ đạo. Mọi thứ phải được lên kế hoạch chính xác từ trước. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy những bản phác thảo xây dựng đền ở những thành phố khác nhau được vẽ trên những phiến đất sét. Những người Sumer tin rằng những kế hoạch này được thiết kế bởi vị thần của họ và được truyền lại qua những giấc mơ. Nhưng chúng ta có thể đoán được những kiến trúc sư thật sự là những vị thầy tu. Những văn bản liên quan đến xây dựng đền thờ được các thầy tu cất giữ. Họ là người quản lý đất đai của đền thờ. Và người phải chịu trách nhiệm về công việc của họ trước Thánh thần.

Thành phố Uruk, khoảng năm 3000 TCN, với dân số khoảng 50.000 đến 80.000 người và diện tích hơn 7,7 km<sup>2</sup>. Ngôi đền cao dành riêng cho Eanna/Inanna, nữ thần của tình yêu và chiến tranh, và Anu, thần của bầu trời, là cột mốc dẫn đường giữa vùng đồng bằng, nó lan toả một thông điệp về sự văn minh và quyền lực [3; 28].

Các Đài chiêm tinh Ziggurat có nghĩa là “Công trình được xây dựng trên vùng đất nâng cao”, ra đời trên cơ sở sùng bái đồi núi, sùng bái thiên thể và tục lệ xem sao, các vì tinh tú trên trời. Ziggurat thuộc loại hình kiến trúc kiểu tầng bậc, bậc càng lên cao càng thu dần lại, có đường dốc trượt hoặc bậc thang thẳng góc hoặc men theo khối xây để đi lên đỉnh. Trên đỉnh có một đền thờ nhỏ. Người Sumer sử dụng vật liệu chủ yếu xây dựng bằng gạch bùn do ở đây khan hiếm đá và gỗ.

Việc xây dựng đền thờ cần nhu cầu có chữ viết để lưu việc thiết kế, thu, chi. Vì vậy các thầy tu thống nhất phương pháp lưu lại các khoản thu và chi trên những văn bản viết để những đồng nghiệp và những người kế nhiệm có thể hiểu. Nhu cầu đó dẫn đến việc phát minh ra chữ viết để lưu lại các khoản thu và chi các đền thờ.

Những kí hiệu hình nêm, được biết đến với cái tên “chữ hình nêm” (cuneiform) là những bước đầu tiên trên quá trình tiến tới việc viết. Người Uruk sử dụng cái que vót nhọn vạch những kí hiệu hình nêm lên đất sét, dựa trên những âm thanh được sử dụng trong ngôn ngữ nói. Một trong những phiến ghi chép đầu tiên được tìm thấy là một bản biên nhận được viết trên đất sét, ghi 29.086 phần lúa mạch. 37 tháng. Kushim. (Lượng hàng hoá, quãng thời gian được vận chuyển đến và chữ kí của người làm sổ sách) [3; 54].

Khi các thị trấn của người Sumer phát triển thành thành phố, người dân cần một cách để theo dõi các giao dịch kinh doanh, quyền sở hữu và hồ sơ chính phủ. Khoảng năm 3300 TCN, người Sumer bắt đầu sử dụng các biểu tượng hình ảnh được đánh dấu vào các viên đất sét để lưu giữ hồ sơ của họ. Do đất sét không phù hợp cho việc vẽ các đường cong, việc sử dụng các đường thẳng trở nên phổ biến. Khi người viết áp dụng sức nén lớn vào đầu bút khi bắt đầu vẽ, nó tạo ra một “đầu” hình tam giác và do đó các “vết in” được tạo ra trên đất sét. Chính người Sumer được công nhận là những người đã phát minh hệ thống chữ viết đầu tiên ở Trung Đông. Chữ hình nêm sớm nhất, được phát hiện trong các cuộc khai quật ở quận Eanna (Eana) của Uruk (Warka), một thành phố cổ của Sumer, nằm ở phía đông sông Euphrates, Iraq ngày nay [9]. Từ năm 1928 đến năm 1976, khoảng 5000 tấm bảng chữ hình nêm nguyên thủy đã được Viện Khảo cổ học Đức khai quật tại Uruk. Cho đến nay, số lượng văn bản chữ hình nêm nguyên thủy khoảng năm nghìn tấm bảng và mảnh vỡ” [5; 35].

Những người Semite đến từ sa mạc Ả Rập, họ đến châu thổ Lưỡng Hà vào TNK III. Ngay sau đó họ tiếp thu được nền văn hóa của người Sumer, họ đã kết hợp các dạng chữ cái Alphabe với những đường nét hình ảnh thành 1 hệ thống duy nhất với những ký hiệu trừu tượng thay thế những bức tranh cụ thể. Nhiều chữ tượng hình Sumer có xu hướng trừu tượng hóa [10]. Chữ viết hình nêm đã tồn tại hàng nghìn năm cho đến khi nó được thay thế bằng bảng chữ cái Phoenicia vào gần cuối thời kì Đế chế tân Assyria. Sự phát triển lâu dài và mở rộng địa lý của nó liên quan đến nhiều nền văn hóa và ngôn ngữ kế tiếp nhau, và ý nghĩa tổng thể của nó với tư cách là một phương tiện giao tiếp của các nền văn minh chỉ đứng sau bảng chữ cái Phoenician-Hy Lạp-Latin.

Vào cuối TNK III TCN, Uruk bị đế chế Akkadian đang phát triển sáp nhập và bắt đầu suy tàn. Nó được hồi sinh trong thời gian ngắn dưới sự kiểm soát của thành bang Ur, nhưng sau sự

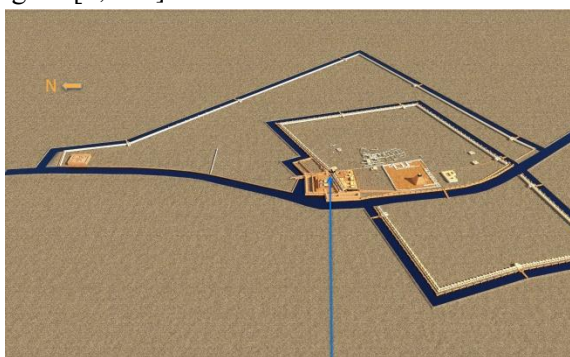
sụp đổ của Ur vào năm 2000 TCN, Uruk đã trải qua TNK tiếp theo suy tàn cho đến khi người Tân Assyria sáp nhập nó vào khoảng năm 850 TCN. Dưới thời Neo-Assyrian và Neo-Babylonians, thành phố đã được hồi sinh và tiếp tục là một trung tâm văn hóa quan trọng dưới thời Seleucid (cuối thế kỷ thứ 4 TCN). Có thể sự thay đổi dòng chảy của sông Euphrates đã đẩy nhanh sự sụp đổ của thành phố [11].

Đô thị của người Sumer đã là nơi khởi nguồn của những thành tựu văn hoá, văn minh sớm nhất của Lưỡng Hà cổ đại. Trong thời kỳ hưng thịnh, Uruk và các đô thị ở vùng đồng bằng miền nam Lưỡng Hà đã thành công trong việc xây dựng một hệ thống giao thông kết nối với vùng cao nguyên giàu tài nguyên. Điều này được thực hiện bằng cách chiếm đóng các vùng đồng bằng ở phía tây nam của Iran, xung quanh đồng bằng lưu vực Lưỡng Hà, và thành lập một số đô thị tại các điểm tập trung của các tuyến giao thông qua đồng bằng phía bắc Lưỡng Hà. Ngoài ra, Uruk còn xây dựng các trạm nhỏ theo các tuyến đường chính từ lưu vực đến các đô thị, cùng với các điểm đồng bằng nhỏ ở sâu trong cao nguyên xung quanh. Mặc dù chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, sự mở rộng này đã tạo ra ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển của các xã hội bản địa mà nó tiếp xúc, và điều này đã đóng góp vào quá trình chuyển tiếp văn hoá ngay trước khi Uruk kết thúc [8; 571]. Đó cũng là lí do mà những sáng tạo văn hoá của họ đã được tiếp nhận bởi những người kế vị như người Akkad, người Amorites, một bộ tộc Semitic phía tây đã chinh phục toàn bộ Lưỡng Hà vào khoảng năm 1900 TCN. Dưới sự cai trị của người Amorites, tồn tại cho đến khoảng năm 1600 TCN, Babylon trở thành trung tâm chính trị và thương mại của khu vực Tigris-Euphrates, và Babylon trở thành một đế chế vĩ đại, bao trùm toàn bộ miền nam Lưỡng Hà và một phần Assyria ở phía Bắc.

## **2.2. Dấu ấn văn hoá Sumer trong đô thị Babylon**

Babylon (ở miền nam Lưỡng Hà, cách Baghdad, thủ đô Iraq ngày nay khoảng 85 km về phía nam) được xem là một trong những thành phố lớn nhất của thế giới cổ đại. Thời kỳ quyền lực nhất của Babylon là dưới thời trị vì của vua Hammurabi (Cổ Babylon) và vua Nebuchadnezzar II (Tân Babylon). Thành phố dần bị bỏ hoang trong thời kỳ Hy Lạp hóa, nhiều cư dân đã chuyển đến Seleucia trên sông Tigris và sau đó đến Ktesiphon, thủ đô chuyển về Baghdad [7; 133]. Do bị bỏ hoang nên Tân Babylon vẫn lưu giữ được một lượng thông tin khảo cổ khổng lồ bao gồm tàn tích của nhiều tòa nhà thuộc nhiều loại khác nhau và hàng nghìn tấm đất sét hình nộm đương thời từ các kho lưu trữ cổ đại và các thư viện trong thành phố.

Dưới thời trị vì của Nebuchadnezzar II (605-562 TCN), diện tích bên trong các tường thành của Babylon được mở rộng nhất, ước tính khoảng 800 ha, mật độ dân cư khá đông đúc, khoảng từ 80.000 đến 300.000 người [7; 138].



**Hình 2. Mô hình cấu trúc của thành phố Babylon nhìn từ hướng Đông**

(Nguồn: <https://www.lingfil.uu.se/research/assyriology/babylon/>)

Cũng như các đô thị của người Sumer trước đó, cấu trúc tổng thể của Babylon có những bức tường đồ sộ bao quanh, những công trình đồ sộ ở khu vực trung tâm. Đền thờ là thành phần chính, ngoài ra còn có cung điện và các tòa nhà hành chính khác. Theo thống kê, thành phố có 43 ngôi

đền, hai bức tường thành kiên cố cao từ 25m đến 30m, tám cổng thành và 250 vọng lâu phân bố đều trên tường thành [7, 138], [1; 17]. Bên ngoài khu phức hợp này là bến cảng và một hào chứa nước rộng 80 mét. Trong số tám cổng của bức tường thành xung quanh nội thành, bốn cổng phía Đông nội thành đã được khai quật. Nổi tiếng nhất là Cổng Ishtar, một công trình kiến trúc tráng lệ với những đồ trang trí tượng trưng bằng gạch tráng men màu. Ngày nay, một công trình tái dựng nó được làm từ những viên gạch gốc nằm ở bảo tàng Pergamon ở Berlin, Đức.

Trung tâm của thành phố được gọi là Eridu (cũng là tên gọi thành phố đầu tiên, nơi thế giới bắt đầu trong truyền thuyết của người Sumer), ở đây có những ngôi đền lớn, trong đó ngôi đền lớn nhất và thiêng liêng nhất là Esagil (Ngôi nhà có nóc cao), đền thờ Marduk-thần bảo hộ của Babylon và đứng đầu các vị thần của văn minh Lưỡng Hà. Nếu các thành phố trước đó như Uruk và Ur là nhà của một vị thần, thì Babylon được coi là nhà của cả một mạng lưới những vị thần trú ngụ lâu dài. Với những cung điện lộng lẫy, những đền thờ vĩ đại, những cánh cổng oai nghiêm, những đại lộ hoành tráng dành cho các nghi thức, Babylon được thiết kế như hiện thân của quyền năng tối thượng của cả thần thánh và thế tục.

Đô thị điển hình của người Sumer và Babylonia đều bao gồm ba phần cơ bản. Đầu tiên là thành phố chính, là khu vực lâu đời nhất. Đó là một khu vực kiên cố bao gồm các đền chùa, cung điện, nơi ở của các quan chức triều đình và nhà ở của người dân. Tiếp theo là “ngoại ô”, trong đó có các cụm nhà ở, trang trại, chuồng trại, ruộng và vườn, tất cả đều cung cấp thực phẩm và nguyên liệu thô cho thành phố. Thứ ba, các cảng, là một trung tâm hoạt động thương mại, đặc biệt là liên quan đến buôn bán trên đất liền [4; 115-116].

Nguyên tắc bố cục hình học dựa trên các hệ trục đối xứng được sử dụng nhất quán để thiết kế và xây dựng mạng lưới đường phố và các công trình kiến trúc trong đô thị. Ở khu vực trung tâm công trình kiến trúc thường được thiết kế và xây dựng dưới dạng một tổng thể độc lập khép kín có mặt bằng hình vuông hay chữ nhật bao gồm công trình và sân vườn liên kết với nhau trên cơ sở các trục đối xứng. Tôn giáo giữ vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của cư dân, do đó, các công trình kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng luôn là một thành phần chính, chiếm ưu thế về không gian trong cấu trúc đô thị vùng Lưỡng Hà [2; 45].

Về khía cạnh tín ngưỡng, người Babylon đã tiếp thu nhiều quan niệm tín ngưỡng của người Sumer, chỉ có tên các vị thần được gọi theo ngôn ngữ Semites. Chẳng hạn *Thần mặt trăng Nanna* → *Sin*, *Thần bầu trời An* → *Anu*, *Thần tình yêu Inanna* → *Ishtar*, *Thần nước Enki* → *Ea*, *Thần mặt trời Utu* → *Shamash*. Dưới thời vương quốc Babylon, thần Marduk trở thành chúa tể các vị thần. Bản thân nhà vua Babylon cũng được giới tăng lữ thần thánh hoá, được coi là người thay mặt thần Marduk cai trị muôn dân.

Tòa nhà cao nhất ở Babylon là tháp zikkurat, thuộc đền thờ thần chính Marduk. Công trình có nền móng 90 x 90m và cao 90m. Nó được ví như Tháp Babel trong Kinh Thánh. Công trình này mang đặc điểm tương đồng với kiến trúc tháp-đền thờ (Zigurat) của người Sumer. Đó là khối kiến trúc lớn có mặt bằng hình vuông hay hình chữ nhật, phát triển thu hẹp theo chiều cao dưới dạng các bậc thang giạt cấp. Ngay cả Vườn treo Babylon, công trình nổi tiếng nhất của thành phố cũng được xây dựng theo lối kiến trúc dạng tháp giạt cấp phổ biến của kiến trúc Lưỡng Hà (Zigurat). Công trình cao 100m, gồm 4 tầng, mỗi tầng cao 25m, tầng dưới cùng có kích thước 246x246m, tầng trên cùng có kích thước 123x123m. Trên mỗi tầng giạt cấp và tầng trên cùng đều có một vườn phẳng, trồng nhiều cây và hoa được mang từ nhiều nơi về. Nối giữa các tầng vườn là hệ thống cầu thang ngoài trời. Phần vườn cây có đất lát bằng đá phiến và được chống thấm cẩn thận bằng các lớp nhựa, gạch nung và chì [2; 42].

Về phương diện ngôn ngữ, người Babylon và người Chaldea đại diện cho cư dân cổ nói tiếng Babylon, một phương ngữ Akkad, trong khi các nhóm khác tự nhận mình là người Aram và nói ngôn ngữ riêng của họ. Ngoài ra, còn có nhiều nhóm người từ khắp đế quốc Babylon, cũng như bên ngoài đế quốc. Tiếng Sumer, mặc dù không còn là ngôn ngữ giao tiếp, nhưng vẫn được sử dụng cho



mục đích học thuật và tôn giáo. Thông tin về cư dân thời kì này được tìm thấy trong các kho lưu trữ và thư viện với các văn bản chữ hình nêm trên các tấm đất sét được bảo tồn trong thành phố.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho giới tu sĩ tiếp thu chữ hình nêm, các tài liệu ngữ pháp và từ vựng của ngôn ngữ này đã được biên soạn và nhiều văn bản tôn giáo đã được dịch sang tiếng Babylon. Những điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự thâm nhập của các văn bản đơn ngữ tiếng Sumer. Các nghiên cứu về tiếng Sumer đã tiến bộ vượt bậc nhờ nỗ lực của các học giả như Delitzsch, François Thureau-Dangin, Arno Poebel, Anton Deimel và Adam Falkenstein [12]. Chữ hình nêm được phát hiện có thể lên tới vài nghìn tấm đất sét, trong số đó có khoảng 250 tấm bảng đề cập đến quyền sở hữu ruộng nông nghiệp và vườn chà là của các thành viên trong gia đình ở khu vực Babylon.

Sự chuyển tiếp văn hoá trong các đô thị vùng Lưỡng Hà thể hiện khá rõ trên phương diện luật pháp. Bộ luật Hammurabi là bộ luật thành văn cổ còn tương đối nguyên vẹn được tìm thấy cho đến ngày nay, được ra đời ở vùng Lưỡng Hà trong khoảng thời gian từ năm 1792 đến năm 1750 TCN, mang tên vị vua đã ban hành bộ luật – vua Hammurabi, trị vì vương triều Babylon thứ sáu. Về nguồn gốc, ở khu vực Lưỡng Hà, trước khi bộ luật Hammurabi ra đời đã có luật của người Sumer, luật Urnammu (có niên đại khoảng 2100 TCN). Do đó, bộ luật Hammurabi được cho là sự phát triển tiếp tục và kế thừa các điều luật thời cổ Sumer [6; 69].

Bộ luật Hammurabi được khắc bằng văn tự hình đỉnh trên một phiến đá bazan cao 2,25m, được phát hiện bởi đoàn khảo cổ người Pháp ở thành phố Suse, thuộc Iran ngày nay vào năm 1901. Phiến đá này ngày nay được lưu giữ tại Viện Bảo tàng Louvre (Pháp). Ở mặt trước và phía trên của tấm bia khắc mô tả hình thần Mặt Trời Shamash ngồi trên ngai vàng trao những điều luật cho vua Hammurabi đứng nghiêm trang trước thần. Hammurabi đã ý thức sâu sắc kết hợp thần quyền, vương quyền và pháp quyền khiến bộ luật được “thiêng hóa” nhằm đạt được mục đích cai trị dân chúng.

Ở phần mở đầu, vua Hammurabi đã thần thánh hoá bộ luật bằng tuyên bố: “Vi hạnh phúc của loài người, thần Anu và thần Enlil đã ra lệnh cho trăm-Hammurabi, một vị quốc vương quang vinh và ngoan đạo, vì chính nghĩa, diệt trừ những kẻ gian ác không tuân theo pháp luật, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp người yếu, làm cho trăm giống như thần Shamash sai xuống dân đen, toả ánh sáng khắp muôn dân” [6; 69]. Cách đó gần nửa thiên niên kỉ, thần Anu và thần Enil đã hiện diện trong phần mở đầu luật Urnammu của người Sumer: “Thần Anu [chúa trời, sáng tạo muôn loài] và thần Enil [vị thần tượng trưng cho sự cao thượng, đem đến no ấm, hạnh phúc] đã giao trách nhiệm cho vua Urnammu phải đem đến sự công bằng, ấm no, hạnh phúc cho vùng đất Sumer này” [6; 66].

Phần nội dung gồm 282 điều, cũng giống luật Urnammu, luật Hammurabi tập trung vào bốn lĩnh vực chủ yếu là dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình và tố tụng và không có sự tách rời giữa các lĩnh vực. Đặc biệt, mỗi điều luật của Urnammu và Hammurabi được viết theo mối quan hệ “nhân quả”, liệt kê từng tội danh và hình phạt tương ứng. Các điều luật tuân theo một khuôn mẫu nhất định, với cấu trúc câu như sau: Nếu (các tội lỗi đã gây ra), thì (các hình phạt cụ thể). Chẳng hạn: “Nếu một người phạm tội giết người, thì người đó sẽ bị xử tử” (Điều 1, bộ luật Urnammu), và “Nếu dân tự do tuyên thệ tố cáo dân tự do phạm tội giết người mà không có bằng chứng thì người tố cáo sẽ bị xử tử” (Điều 1, Bộ luật Hammurabi). Trong phần kết luận, Hammurabi đề cao công lao của mình trước nhân dân, đồng thời tuyên bố sẽ trừng trị tất cả những ai xem thường và có ý định hủy bỏ bộ luật. Điều đó phần nào chứng tỏ vai trò to lớn của bộ luật Hammurabi đối với sự phát triển toàn thịnh của đất nước Lưỡng Hà thời Babylon.

Babylon được xem là một thành phố thiêng liêng, một thủ phủ của trí tuệ và nghệ thuật. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ thứ VI TCN, sau khi bị xâm chiếm bởi đế chế Ba Tư, Babylon bước vào thời kì suy tàn. Vào năm 331 TCN, Alexander Đại đế đã đánh bại người Ba Tư và định biến Babylon thành thủ đô của đế chế của ông. Tuy nhiên, ông đã qua đời ở thành phố này trước khi sự tái sinh của nó có thể bắt đầu.



Quá trình suy tàn của đô thị này diễn ra trong khoảng 1500 năm. Từng viên gạch được lấy đi để tái sử dụng trong các nông trại, những ngôi làng và những thị trấn mới. Tuy nhiên, ngay cả khi thành phố mới là Seleucia ở bên bờ sông Tigris ra đời thay thế Babylon trở thành trung tâm thương mại của vùng, thì Babylon vẫn là một trung tâm học thuật, người giữ gìn cuối cùng của văn hoá và những truyền thống đô thị từ tận thời của Eridu, và là nơi cuối cùng mà ở đó các chuyên gia vẫn có thể giải mã chữ hình nêm.

### 3. Kết luận

Vùng Cận Đông cổ đại là nơi có nền văn hóa nông nghiệp lâu đời nhất với những ngôi làng đầu tiên, những thị trấn đầu tiên, và những đô thị đầu tiên. Các khu đô thị có thể được tìm thấy dọc theo các con sông và kênh rạch, nơi cung cấp lượng nước cần thiết cho dân cư thành thị để duy trì cuộc sống của người dân. Các thành phố lớn đầu tiên được phát triển ngoài các thị trấn vào thiên niên kỷ thứ 4 TCN, với Uruk là thành phố khá lớn đầu tiên được biết đến.

Từ Uruk đến Babylon, gần nửa thiên niên kỉ, với biết bao thăng trầm của lịch sử, nhưng nhiều giá trị văn hoá của người Sumer vẫn được chuyển tiếp và phát triển trong các tộc người kế tiếp, tạo nên sự thống nhất trong đa dạng của văn hoá các đô thị vùng Lưỡng Hà cổ đại. Sự thay thế giữa các tộc người về chính trị và nhà nước không hoàn toàn dẫn đến sự biến mất của các giá trị văn hoá, văn minh của các tộc người đã xây dựng trước đó. Các tộc người đến sau vẫn có sự tiếp thu, gìn giữ và sáng tạo văn hoá để rồi sau hàng ngàn năm, văn hoá đô thị vùng Lưỡng Hà cổ đại vẫn còn lưu giữ cho đến ngày nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ĐT Hoàng, (2000). *Lịch sử đô thị*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội
- [2] NQ Thông, (2011). *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương Tây*. NXB Xây dựng, Hà Nội.
- [3] Wilson B, 2023 (Hoàng Đức Long dịch). *Lịch sử phát triển đô thị, phát minh lớn nhất của loài người*. NXB Thế giới, Hà Nội
- [4] Oppenheim LA, (1977). *Ancient Mesopotamia: Portrait of a Dead Civilization*. The University of Chicago, USA.
- [5] Woods C (edited), (2010). *Visible Language: Inventions of writing in the ancient Middle East and Beyond*. M&G Graphic, Chicago, Illinois
- [6] NM Tuấn, (2016). *Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Paul JJS, Gullög N, Frands H & Christian I, (2010). *The Urban Mind: Cultural and Environmental Dynamics*. Uppsala University, Sweden
- [8] Algaze G, Burchard B, Bernard KA, Philip LK, Wade R, Kotter C, Lamberg-Karlovsky C, Glenn MS, Harvey W, Robert JW, Rita PW & Allen Z, (1989). *The Uruk Expansion: Cross-cultural Exchange in Early Mesopotamian Civilization, Current Anthropology*. The University of Chicago Press, 571-608.
- [9] *Cuneiform Writing in Mesopotamia Begins at Uruk in Association with the Development of Urban Life Circa 3200 to 2900 BCE* (truy cập ngày 9 tháng 1 năm 2024), <https://www.historyofinformation.com/detail.php?id=1283>
- [10] Eugen W, *Văn minh phương Tây: vùng Lưỡng Hà*, (Lê Quỳnh Ba dịch), <https://nghienquulichsu.com/2017/03/29/van-minh-phuong-tay-vung-luong-ha/>, truy cập ngày 3 tháng 11 năm 2023.
- [11] Beyer G, (2023, October 10). *The Ancient Cities of Sumeria: Eridu & Uruk*. Retrieved from <https://www.thecollector.com/ancient-cities-sumeria-uruk-eridu/>
- [12] <https://www.britannica.com/topic/cuneiform>